

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất Nhà máy dầu nhờn Chevron Hải Phòng từ 15 triệu lít/năm lên 60 triệu lít/năm tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.

Xét Văn bản số 08/2024/CVR ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam về đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 012/2024/CVR ngày 30/08/2024 của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” tại lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam, địa chỉ tại lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật”

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 3276947716 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 17/8/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 8 ngày 04/5/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0200115417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 0200115417.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 29.972,0 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

STT	Loại sản phẩm	Khối lượng (lít/năm)
1	Dầu động cơ xe máy	18.000.000
2	Dầu động cơ xe ô tô	6.000.000
3	Dầu hàng hải	6.000.000
4	Dầu công nghiệp	30.000.000
Tổng		60.000.000

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

2.6. Thực hiện đầy đủ các thủ tục về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố theo đúng quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.....tháng.....năm 2024 đến hết ngày.....tháng.....năm 2034).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam;
- Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Cổng TTĐT BQLKKT (để đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số DVIZ/SM/CON/22/28 ngày 15/10/2022 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đình Vũ).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh và nước thải từ khu nhà bếp. Trong đó, nước thải từ khu nhà vệ sinh theo đường ống nhựa uPVC D160 thu gom vào bể tự hoại dung tích 16 m³; nước thải từ khu nhà bếp theo đường ống nhựa uPVC D110 thu gom vào bể tách dầu mỡ dung tích 3,2 m³. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ tiếp tục được qua bể khử trùng dung tích 3,2 m³ để xử lý, sau đó theo đường ống nhựa uPVC D160 chảy về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Đình Vũ và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa nhiễm dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc và sàn của khu vực cụm van trạm bơm dầu gốc được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D300 vào bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ.

- Nước mưa nhiễm dầu từ sàn khu vực bồn chứa dầu gốc và nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc được thu gom bằng đường rãnh bê tông xi măng B300 và được điều tiết bằng van theo đường ống thép vào bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ.

- Nước mưa nhiễm dầu từ sàn khu vực bồn chứa phụ gia và nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa phụ gia được thu gom bằng đường rãnh bê tông xi măng B300 cùng với nước mưa nhiễm dầu từ sàn khu vực cụm van trạm bơm phụ gia, sàn khu vực cụm van trạm nhập nguyên liệu và nước nhiễm xăng từ rửa dụng cụ phòng thí nghiệm theo đường ống thép vào bể tách nước nhiễm dầu X701 công suất 30 m³/giờ.

- Nước mưa nhiễm dầu sau khi được xử lý qua các bể tách nước nhiễm dầu chảy vào hồ bơm nước thải, sau đó được máy bơm (công suất 80 m³/giờ) bơm theo đường ống nhựa HDPE D75 về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sau xử lý tại bể tự hoại + nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp sau xử lý tại bể tách dầu mỡ → Bể khử trùng (bổ sung Chlorine) → hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước mưa nhiễm dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc, sàn khu vực van trạm bơm dầu gốc, sàn khu vực bồn chứa dầu gốc + Nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc → Bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ, trong đó: Nước thải → Ngăn thu nước → Ngăn tách dầu → Ngăn chứa nước → Hồ bơm nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Dầu trong ngăn tách dầu được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

+ Nước mưa nhiễm dầu từ sàn khu vực bồn chứa phụ gia, sàn khu vực van trạm bơm phụ gia, sàn khu vực van trạm nhập nguyên liệu + nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa phụ gia + nước nhiễm xăng từ rửa dụng cụ phòng thí nghiệm → Bể tách nước nhiễm dầu X701 công suất 30 m³/giờ, trong đó: Nước thải → Ngăn thu nước → Ngăn tách dầu (có các tấm thép đặt song song) → Ngăn chứa nước → Hồ bơm nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Dầu trong ngăn tách dầu được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

- Công suất thiết kế:

- + 01 bể tự hoại có dung tích 16 m³;
- + 01 bể tách dầu mỡ nhà bếp có dung tích 3,2 m³;
- + 01 bể khử trùng có dung tích 3,2 m³;
- + 01 bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ;
- + 01 bể tách nước nhiễm dầu X701 công suất 30 m³/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chất khử trùng (Chlorine).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của để đảm bảo công trình xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.

- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể tách nước nhiễm dầu; vớt váng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ nhà bếp, bể tách nước nhiễm dầu.

- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải.

- Khi công trình xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.

- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải bị kéo dài và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ.

+ Bể tách nước nhiễm dầu X701 công suất 30 m³/giờ.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc
I	Bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ	
1	Tại ngăn thu nước nhiễm dầu	pH; COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng.
2	Tại ngăn xả nước sau xử lý	
II	Bể tách nước nhiễm dầu X701 công suất 30 m³/giờ	
3	Tại ngăn thu nước nhiễm dầu	pH; COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng.
4	Tại ngăn xả nước sau xử lý	
III	Tại điểm thải cuối cùng của cơ sở	
5	Tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ.	pH; BOD ₅ (20°C); COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng; Dầu mỡ

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc
		động thực vật; Amoni (NH_4^+); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho; Coliform.

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép
I	Bể tách nước nhiễm dầu công suất 35 m³/giờ	
1	pH; COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Đình Vũ
II	Bể tách nước nhiễm dầu X701 công suất 30 m³/giờ	
3	pH; COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Đình Vũ
III	Tại điểm thải cuối cùng của cơ sở	
5	pH; BOD ₅ (20°C); COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng; Dầu mỡ động thực vật; Amoni (NH_4^+); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho; Coliform.	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Đình Vũ

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực trạm bơm dầu gốc.
- Nguồn số 02: Tại khu vực trạm bơm phụ gia.
- Nguồn số 03: Tại khu vực phòng máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2302730; Y(m) = 608416.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2303709; Y(m) = 608454.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2303701; Y(m) = 608486

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.
- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	9,375
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	3,75
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	3,75
4	Bùn cặn thải từ thiết bị tách dầu/nước	Bùn	17 05 02	9,375
5	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	1.875
6	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 05	468,75
7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	375
8	Bao bì mềm thải (Giấy bì dính dầu)	Rắn	18 01 01	978,75
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	51.433,125
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	2.934,375
11	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	4.181,25
Tổng				62.272,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 56,25 kg/ngày (tương đương khoảng 1,69 tấn/tháng).

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát

sinh: bao gồm:

- Chất thải rắn thông thường bao gồm gỗ pallet, lõi cuộn, băng dính, bìa carton, bao bì nilon, ghim kẹp, giấy báo, bao bì tài liệu,...: Khoảng 181,875 kg/ngày (tương đương khoảng 5,46 tấn/tháng).

- Chất thải rắn thông thường khác (bùn cặn từ bể tự hoại): Khoảng 7,88 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho chứa: Bố trí 02 kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 44,0 m² và diện tích 24,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại cao 01 tầng, có cửa ra vào khép kín, nền bê tông hóa chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 7,0 m².

- + Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm. Kho đảm bảo đầy đủ các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 50 lít – 100 lít có nắp đậy tại mỗi khu vực phát sinh.

- Kho chứa: Bố trí 01 kho chất thải sinh hoạt, diện tích 7,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bao quanh và mái che, nền bê tông chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*((Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng))*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.